

Số: 273 /QĐ-UBND

Bình Phước, ngày 02 tháng 02 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy chế phối hợp giải quyết thủ tục
quyết định chủ trương đầu tư dự án có sử dụng đất ngoài
khu kinh tế, khu công nghiệp, cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;

Căn cứ Luật Đầu tư ngày 26/11/2014;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 26/11/2014;

Căn cứ Nghị quyết số 43/NQ-CP ngày 06/6/2014 của Chính phủ về một số nhiệm vụ trọng tâm cải cách thủ tục hành chính trong hình thành và thực hiện dự án đầu tư có sử dụng đất để cải thiện môi trường kinh doanh;

Căn cứ Nghị định số 118/2015/NĐ-CP ngày 12/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư;

Căn cứ Nghị quyết số 31/2017/NQ-HĐND ngày 19/7/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Quy định về chính sách khuyến khích và ưu đãi đầu tư trên địa bàn tỉnh Bình Phước;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Tờ trình số 105/TTr-SKHĐT ngày 16/01/2018,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế phối hợp giải quyết thủ tục quyết định chủ trương đầu tư dự án có sử dụng đất ngoài khu kinh tế, khu công nghiệp, cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh.

Điều 2. Quyết định này thay thế Quyết định số 437/QĐ-UBND ngày 02/3/2016 của UBND tỉnh ban hành Quy chế phối hợp giải quyết thủ tục quyết định chủ trương đầu tư dự án có sử dụng đất ngoài khu kinh tế, khu công nghiệp, cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Thủ trưởng các sở, ngành, đơn vị thuộc tỉnh, Chủ tịch UBND các huyện, thị xã và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này, kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- TTTU, TT.HĐND tỉnh;
- CT, PCT;
- LĐVP, Phòng: TH, KT;
- Lưu: VT. (17Thg-29/01)



CHỦ TỊCH

Nguyễn Văn Trâm

QUY CHẾ

Phối hợp giải quyết thủ tục Quyết định chủ trương đầu tư dự án có sử dụng đất ngoài khu kinh tế, khu công nghiệp, cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh

*(Kèm theo Quyết định số **273** /QĐ-UBND ngày **02/02/2018** của UBND tỉnh)*

Chương I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh:

Quy chế này quy định nguyên tắc, cơ chế phối hợp giải quyết thủ tục Quyết định chủ trương đầu tư dự án có sử dụng đất ngoài khu kinh tế, khu công nghiệp, cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh Bình Phước theo Luật Đầu tư ngày 26/11/2014, trừ những dự án thuộc thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư của Quốc hội, Thủ tướng Chính phủ gồm:

- a) Dự án được nhà nước giao đất, cho thuê đất không thông qua đấu giá, đấu thầu hoặc nhận chuyển nhượng; dự án có yêu cầu chuyển mục đích sử dụng đất;
- b) Dự án có sử dụng công nghệ thuộc Danh mục công nghệ hạn chế chuyển giao theo quy định của pháp luật về chuyển giao công nghệ.

2. Đối tượng áp dụng:

- a) Trung tâm Hành chính công là cơ quan tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả.
- b) Sở Kế hoạch và Đầu tư là cơ quan chủ trì, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét Quyết định chủ trương đầu tư.
- c) Các cơ quan phối hợp: Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Xây dựng, Sở Công Thương, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Khoa học và Công nghệ, Công an tỉnh, Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh, Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh, Trung tâm Xúc tiến Đầu tư - Thương mại và Du lịch, UBND các huyện, thị xã và các đơn vị có liên quan.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Quyết định chủ trương đầu tư: Là Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh ghi nhận những thông tin cơ bản về dự án đầu tư và điều kiện mà nhà đầu tư phải tuân thủ khi triển khai thực hiện. Quyết định chủ trương đầu tư là cơ sở để các cơ quan, đơn vị có liên quan và nhà đầu tư thực hiện các thủ tục cần thiết để triển khai dự án đầu tư.

Chương II NGUYÊN TẮC VÀ CƠ CHẾ PHỐI HỢP

Điều 3. Nguyên tắc phối hợp

1. Quan hệ phối hợp được thực hiện trên nguyên tắc chặt chẽ, kịp thời giữa Sở Kế hoạch và Đầu tư và các sở, ngành; Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã và các đơn vị có liên quan nhằm đảm bảo trả kết quả giải quyết thủ tục Quyết định chủ trương đầu tư cho tổ chức, cá nhân đúng pháp luật và thời gian quy định.

2. Thủ trưởng các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã và các đơn vị liên quan căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ được giao có trách nhiệm nghiên cứu, xem xét có ý kiến thẩm định những nội dung thuộc phạm vi quản lý theo đúng thời gian quy định của Quy chế này.

Điều 4. Quy chế phối hợp

1. Trung tâm Hành chính công là đơn vị tiếp nhận hồ sơ chuyển cho Sở Kế hoạch và Đầu tư để chủ trì, phối hợp cùng các sở, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét quyết định chủ trương cho nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư.

Thành phần hồ sơ: Theo Khoản 1, Điều 33 Luật Đầu tư ngày 26/11/2014, bao gồm:

a) Văn bản đề nghị thực hiện dự án đầu tư (theo mẫu quy định);

- Bản sao chứng minh nhân dân, thẻ căn cước, hộ chiếu đối với nhà đầu tư là cá nhân; bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy chứng nhận thành lập đối với nhà đầu tư là tổ chức (theo mẫu quy định).

b) Đề xuất dự án đầu tư bao gồm các nội dung: Nhà đầu tư thực hiện dự án, mục tiêu đầu tư, quy mô đầu tư, vốn đầu tư và phương án huy động vốn, địa điểm, thời hạn, tiến độ đầu tư, nhu cầu về lao động, đề xuất hưởng ưu đãi đầu tư, đánh giá tác động, hiệu quả kinh tế - xã hội của dự án (theo mẫu quy định).

c) Đề xuất nhu cầu sử dụng đất; trường hợp dự án không đề nghị Nhà nước giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất thì nộp bản sao thỏa thuận thuê địa điểm hoặc tài liệu khác xác nhận nhà đầu tư có quyền sử dụng địa điểm để thực hiện dự án đầu tư (theo mẫu quy định).

d) Giải trình về sử dụng công nghệ đối với dự án sử dụng công nghệ thuộc Danh mục công nghệ hạn chế chuyển giao theo quy định của pháp luật về chuyển giao công nghệ gồm các nội dung: Tên công nghệ, xuất xứ công nghệ, sơ đồ, quy trình công nghệ; thông số kỹ thuật chính, tình trạng sử dụng của máy móc, thiết bị và dây chuyền công nghệ chính (theo mẫu quy định).

đ) Bản sao một trong các tài liệu sau: Báo cáo tài chính 02 năm gần nhất của nhà đầu tư (nếu có); cam kết hỗ trợ tài chính của công ty mẹ; cam kết hỗ trợ tài chính của tổ chức tài chính; bảo lãnh về năng lực tài chính của nhà đầu tư; tài liệu thuyết minh năng lực tài chính của nhà đầu tư.

e) Hợp đồng hợp tác kinh doanh (Đối với trường hợp là Hợp đồng BBC);

Nhà đầu tư chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác của các nội dung đã kê khai trong hồ sơ dự án đầu tư.

2. Thời hạn giải quyết thủ tục: Tổng thời gian giải quyết thủ tục là 12 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

3. Trách nhiệm và thời hạn phối hợp giữa các đơn vị:

a) Trong thời hạn 04 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ dự án của nhà đầu tư, Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì phối hợp với các sở, ban, ngành liên quan tổ chức đi khảo sát thực địa vị trí dự kiến thực hiện dự án; trường hợp dự án không cần phải tổ chức đi khảo sát thực địa, Sở Kế hoạch và Đầu tư gửi hồ sơ lấy ý kiến thẩm định của các đơn vị liên quan trong thời hạn **02 ngày làm việc**.

(Các trường hợp không đi khảo sát gồm: Mở rộng diện tích thực hiện dự án mà không làm thay đổi quy mô, công suất; Dự án có sử dụng công nghệ thuộc Danh mục công nghệ hạn chế chuyển giao theo quy định của pháp luật về chuyển giao công nghệ).

b) Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày đi khảo sát thực địa hoặc nhận đủ hồ sơ dự án đầu tư do Sở Kế hoạch và Đầu tư chuyển đến, các đơn vị liên quan có ý kiến những nội dung thuộc phạm vi quản lý nhà nước chuyên ngành; trong đó phải khẳng định rõ quan điểm thống nhất hoặc không thống nhất cho nhà đầu tư thực hiện dự án tại vị trí đất nhà đầu tư đề xuất, đồng thời nêu rõ cơ sở pháp lý và gửi kết quả bằng văn bản về Sở Kế hoạch và Đầu tư, cụ thể:

- Sở Xây dựng: Có ý kiến chuyên ngành về địa điểm xây dựng, sự phù hợp với quy hoạch xây dựng; ý kiến về chủ trương đầu tư;

- Sở Tài nguyên và Môi trường: Có ý kiến chuyên ngành về sự phù hợp với quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, nhu cầu sử dụng đất; các yêu cầu về môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường và các văn bản khác có liên quan; việc chấp hành pháp luật đất đai và môi trường của nhà đầu tư; ý kiến về chủ trương đầu tư;

- Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: Có ý kiến chuyên ngành về sự phù hợp với quy hoạch sử dụng đất lâm nghiệp, chuyển đổi mục đích sử dụng đất lâm nghiệp (nếu có); sự phù hợp với quy chuẩn, tiêu chuẩn chuyên ngành; ý kiến về chủ trương đầu tư;

- Sở Công Thương: Có ý kiến chuyên ngành đối với các dự án sản xuất công nghiệp, dự án thương mại; ý kiến về chủ trương đầu tư;

- Sở Khoa học và Công nghệ: Có ý kiến chuyên ngành đối với những dự án có sử dụng công nghệ thuộc Danh mục công nghệ hạn chế chuyển giao theo quy định của pháp luật về chuyển giao công nghệ;

- Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh, Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh: Có ý kiến chuyên ngành về mặt an ninh quốc phòng; an ninh khu vực biên giới (nếu có); ý kiến về chủ trương đầu tư;



- Các sở, ban, ngành và các đơn vị có liên quan thực hiện quản lý nhà nước chuyên ngành có ý kiến liên quan đến lĩnh vực chuyên ngành quản lý theo quy định của pháp luật (nếu có); ý kiến về chủ trương đầu tư;

- Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã: Có ý kiến về sự phù hợp với quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, địa điểm, ranh giới, diện tích, hiện trạng sử dụng đất; ý kiến về chủ trương đầu tư.

c) Trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ ý kiến của các đơn vị, Sở Kế hoạch và Đầu tư căn cứ chức năng quản lý chuyên môn và ý kiến thẩm định dự án của các đơn vị liên quan lập báo cáo thẩm định, trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét Quyết định chủ trương đầu tư.

d) Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ và báo cáo thẩm định của Sở Kế hoạch và Đầu tư, Ủy ban nhân dân tỉnh Quyết định chủ trương đầu tư, trường hợp không chấp thuận có thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do.

đ) Sở Kế hoạch và Đầu tư và các đơn vị có liên quan quy định tại Khoản này có trách nhiệm thực hiện nhiệm vụ đúng thời gian quy định. Trường hợp do sự chậm trễ của đơn vị làm ảnh hưởng đến thời gian giải quyết thủ tục cho nhà đầu tư thì Thủ trưởng đơn vị, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thị xã đó phải chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

4. Riêng đối với các dự án có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài tại các xã biên giới, Sở Kế hoạch và Đầu tư tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh lấy ý kiến của các Bộ, ngành Trung ương có liên quan trước khi trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét Quyết định chủ trương đầu tư, thời gian thực hiện không áp dụng theo Quy chế này.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 5. Trách nhiệm của Sở Kế hoạch và Đầu tư

1. Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã và các tổ chức, cá nhân liên quan triển khai thực hiện nghiêm Quy chế này.

2. Theo dõi, đánh giá tình hình thực hiện Quy chế của các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã và các tổ chức, cá nhân liên quan, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét khen thưởng, xử lý kỷ luật đối với các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan trong việc thực hiện Quy chế này.

Điều 6. Trách nhiệm của các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã và các tổ chức, cá nhân liên quan

1. Các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã và các tổ chức, cá nhân liên quan có trách nhiệm kịp thời cử cán bộ có chuyên môn nghiệp vụ tham gia khảo sát, góp ý cho dự án đảm bảo tuân thủ quy định của pháp luật, đồng thời triển khai thực hiện nghiêm Quy chế này.

2. Trung tâm Xúc tiến Đầu tư - Thương mại và Du lịch có trách nhiệm tư vấn miễn phí cho nhà đầu tư thực hiện thủ tục. Quyết định chủ trương đầu tư khi nhà đầu tư có nhu cầu.

3. Trong quá trình thực hiện, nếu có nội dung cần điều chỉnh, bổ sung, gửi văn bản về Sở Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, điều chỉnh, bổ sung theo quy định./.

CHỦ TỊCH^{lc}



Nguyễn Văn Trâm